

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2019/DS-ST

Ngày: 22-11-2019

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Cương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Mai Văn Thắm

2. Ông Thái Kim Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Mỹ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa:
Ông Võ Văn Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 327/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 9 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2019/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng X

Địa chỉ: Số 169 khu phố Đ, phường H, quận M, thành phố N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – Chức vụ: Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Văn Út U – Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch huyện D, tỉnh TN

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Thành L – Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch huyện D (Theo văn bản ủy quyền ngày 26-8-2019)

- Bị đơn:

1. Chị Nguyễn Thị G, sinh năm: 1976

2. Anh Hồ Chí L1, sinh năm: 1979

Cùng địa chỉ: Tổ 36, ấp C, xã CG, huyện D, tỉnh TN.

Các đương sự đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26-8-2019, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, ông Nguyễn Thành L là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng X trình bày:

Ngân hàng X – Phòng giao dịch D có cho chị Nguyễn Thị G, anh Hồ Chí L1 vay 02 khoản gồm:

- Khoản vay thứ nhất: Ngày 29-4-2010, chị G, anh L1 vay số tiền 8.000.000 đồng trong chương trình Nước sạch và Vệ sinh môi trường, mục đích vay là làm giếng nước sạch và nhà vệ sinh. Thỏa thuận lãi suất trong hạn là 0,9%/tháng, lãi suất quá hạn là 1,17%/tháng, thời gian vay là 60 tháng, trả lãi vào ngày 15 hàng tháng, thời gian trả nợ gốc là định kỳ 03 tháng với số tiền 400.000 đồng, thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 15-4-2015;

- Khoản vay thứ hai: Ngày 15-6-2011, chị G, anh L1 vay số tiền 10.000.000 đồng trong chương trình Giải quyết việc làm, mục đích vay là chăn nuôi heo. Thỏa thuận lãi suất trong hạn là 0,65%/tháng, lãi suất quá hạn là 0,845%/tháng, thời gian vay là 12 tháng, trả lãi vào ngày 15 hàng tháng, thời gian trả nợ gốc một lần vào cuối kỳ trả nợ, thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 15-6-2012.

Chị G, anh L1 có trả lãi và nợ gốc như sau: Đối với khoản vay 8.000.000 đồng thì chị G, anh L1 có trả tiền gốc được 07 lần vào các tháng 7/2010, 10/2010, 01/2011, 4/2011, 7/2011, 10/2011, 01/2012 được tổng số tiền là 2.800.000 đồng; trả lãi được số tiền 1.438.800 đồng. Đối với khoản vay 10.000.000 đồng chị G, anh L1 trả được số tiền lãi là 910.000 đồng, tiền nợ gốc chưa trả. Chị G, anh L1 trả lãi và nợ gốc đến ngày 31-10-2013 thì không tiếp tục trả nữa. Ngân hàng có cử cán bộ xuống nhà để làm việc với chị G, anh L1 nhằm thu hồi nợ nhưng chị G, anh L1 đã bỏ nhà đi đâu không rõ và chị G, anh L1 cũng không thông báo sự thay đổi chỗ ở cho Ngân hàng biết nên không thể thu hồi nợ được. Ngân hàng yêu cầu chị G, anh L1 trả tổng số tiền **27.442.737** đồng, trong đó đối với khoản vay thứ nhất: tiền nợ gốc là 5.200.000 đồng và tiền lãi trong hạn là 4.242.288 đồng, tiền lãi quá hạn tính từ ngày 15-4-2015 đến ngày 22-11-2019 là **781.719** đồng; khoản vay thứ hai: tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn là 5.701.406 đồng, tiền lãi quá hạn tính từ ngày 17-6-2013 đến ngày 22-11-2019 là **1.517.324** đồng.

Bị đơn chị Nguyễn Thị G và anh Hồ Chí L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn nộp cho Tòa án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng X. Buộc chị Nguyễn Thị G và anh Hồ Chí L1 trả cho Ngân hàng X số tiền số tiền 27.442.737 đồng, trong đó đối với khoản vay thứ nhất: tiền nợ gốc là 5.200.000 đồng và tiền lãi trong hạn là 4.242.288 đồng, tiền lãi quá hạn tính từ ngày 15-4-2015 đến ngày 22-11-2019 là 781.719 đồng; khoản vay thứ hai: tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn là 5.701.406 đồng, tiền lãi quá hạn tính từ ngày 17-6-2013 đến ngày 22-11-2019 là 1.517.324 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 23-11-2019 cho đến ngày trả hết nợ gốc theo lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Sau khi ký hợp đồng tín dụng, chị Nguyễn Thị G, anh Hồ Chí L1 không còn sinh sống tại địa chỉ ấp C, xã CG, huyện D, tỉnh TN. Qua thu thập chứng cứ, ông Phạm Minh T1 – Trưởng Công an xã CG và anh Trần Văn T2 cung cấp: hiện nhà đất của chị G, anh L1 đang cho thuê, còn chị G, anh L1 đã bỏ địa phương đi nơi khác sinh sống. Việc chị G, anh L1 thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo cho Ngân hàng X biết là cố tình giấu địa chỉ. Do đó, Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định tại đoạn 2 điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa, bị đơn chị Nguyễn Thị G, anh Hồ Chí L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, còn ông Nguyễn Thành L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Thực tế, Ngân hàng X – Phòng giao dịch D có cho chị Nguyễn Thị G, anh Hồ Chí L1 vay 02 khoản gồm: Vay chương trình Nước sạch và Vệ sinh môi trường số tiền 8.000.000 đồng ngày 29-4-2010 và vay chương trình Giải quyết việc làm số tiền 10.000.000 đồng ngày 15-6-2011. Có thỏa thuận lãi trong hạn, lãi quá hạn và thời gian trả nợ tại hợp đồng tín dụng. Tuy nhiên, chị G và anh L1 không thực hiện việc trả nợ theo như thỏa thuận trong hợp đồng là đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức tín dụng nên Ngân hàng X khởi kiện là đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy: Sau khi vay chị G, anh L1 có trả lãi và nợ gốc như sau,

- Đối với khoản vay 8.000.000 đồng thì chị G, anh L1 có trả tiền gốc được 07 lần vào các tháng 7/2010, 10/2010, 01/2011, 4/2011, 7/2011, 10/2011, 01/2012 với tổng số tiền là 2.800.000 đồng; tiền lãi đã trả là 1.438.800 đồng;

- Đối với khoản vay 10.000.000 đồng chị G, anh L1 trả được số tiền lãi là

910.000 đồng, tiền nợ gốc chưa trả. Chị G, anh L1 trả lãi và nợ gốc đến ngày 31-10-2013 thì không tiếp tục thanh toán hết các khoản nợ còn lại. Do đó, Ngân hàng yêu cầu chị G, anh L1 trả tổng số tiền 27.442.737 đồng, trong đó đối với khoản vay thứ nhất: tiền nợ gốc là 5.200.000 đồng và tiền lãi trong hạn là 4.242.288 đồng, tiền lãi quá hạn tính từ ngày 15-4-2015 đến ngày 22-11-2019 là 781.719 đồng; khoản vay thứ hai: tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn là 5.701.406 đồng, tiền lãi quá hạn tính từ ngày 17-6-2013 đến ngày 22-11-2019 là 1.517.324 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 23-11-2019 cho đến ngày trả hết nợ gốc theo lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp với quy định tại Điều 91, 95 của Luật các Tổ chức tín dụng.

[3] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị G, anh L1 phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 147, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng X đối với chị Nguyễn Thị G, anh Hồ Chí L1 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc chị Nguyễn Thị G, anh Hồ Chí L1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng X tổng số tiền 27.442.737 đồng, trong đó đối với khoản vay thứ nhất: tiền nợ gốc là 5.200.000 đồng và tiền lãi trong hạn là 4.242.288 đồng, tiền lãi quá hạn tính từ ngày 15-4-2015 đến ngày 22-11-2019 là 781.719 đồng; khoản vay thứ hai: tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn là 5.701.406 đồng, tiền lãi quá hạn tính từ ngày 17-6-2013 đến ngày 22-11-2019 là 1.517.324 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 23-11-2019 cho đến ngày trả hết nợ gốc theo lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị G, anh L1 phải chịu 1.372.100 (Một triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn một trăm) đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

TRẦN THỊ KIM CƯỜNG